TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **66**/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 14 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 4 Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T1, huyện N. tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2 - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 4 Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212; Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội. Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T2.

- Về con chung: Chị H và anh T2 có 02 con chung Nguyễn Thu P, sinh ngày 01/12/2003 và Nguyễn Bá N1, sinh ngày 19/6/2006. Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 2 con. Anh T2 cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (2 cháu 2.000.000đ). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động.

Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị H và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải nộp 150.000đ tiền án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, trả lại cho chị H 150.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0001910 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống. Anh T2 phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nông Cống;
- THADS huyện Nông Cống
- UBND xã T1, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình